

# CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA TÂY THÀNH LẠC DƯƠNG

## QUYỂN 4

### 1. CHÙA XUNG GIÁC

Chùa Xung Giác do Thái Phó Thanh Hà Vương Dịch xả thí vườn nhà mà tạo lập nên, chùa ở phía Bắc Ngự đạo cách 1 dặm ngoài Tây kinh môn, Vương Dịch thân gần bên trong của vua nên rất có danh hạnh, vua Thế Tông (Tuyên Võ đế - Nguyên Khác 500-516) thời Bắc Ngụy rất mến quý đó đặc ưu hơn cả các người em. Đến năm Diên Xương thứ 4 (516) thời Bắc Ngụy, vua Thế Tông (Nguyên Khác - Tuyên Võ đế) băng hà, Vương Dịch cùng Cao Dương Vương Ung, Quảng Bình Vương Hoai đều nhận di chiếu phụ giúp cho Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ). Vì bấy giờ Hiếu Minh Đế vừa mới 6 tuổi, Thái hậu thay quyền nắm cả muôn cơ, vì Vương Dịch là người danh đức vẻ vang thân gần, rõ hiểu Đạo, sống thẳng ngay, nên mọi sự bất kể lớn nhỏ phần nhiều đều đến dò hỏi. Vì thế trong khoảng niên hiệu Hy Bình (516-588) và Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, thế của Vương Dịch khuyh loát người chúa, Để thất giàu sang rộng lớn vượt hơn hẳn Cao Dương Vương Ung. Về phía Tây bắc có lầu vượt cao hơn cả Lăng Vân Đài, ở gần nơi Triều chợ, mắt nhìn đến tận kinh đô, nên trong thơ xưa nói là: “Tây bắc có lầu cao, trên ngang bằng mây nổi”. Dưới lầu có Nho Lâm Quán, Thối Tân đường, hình thế thiết chế đều như Điện Thanh Thử, Thổ Sơn Điều đài trùm ở đương thời. Núi vẹo vào cửa sổ, ao cong lượn quanh nhà, cây vang tiếng chim bay, thêm tràn đầy hoa thuốc. Vương Dịch mến thích tân khách, quý trọng văn hoa, nên các bậc tài tử khắp trong nước nhà không ai chẳng đến, các hàng quan tá phủ liêu đều chọn dân anh tuấn. Đến như lúc sớm mai cảnh sáng thẳng rong trông Nam đài, các vật ngon lành thiết bày đủ đầy, Đàn cầm, sênh đều tấu trối, rượu ngon đầy chén, báu tốt đầy sàng, khiến Lương Vương thẹn phiêu du của Thổ Viên Trần Tư hổ cùng Yến của Tước Đài. Đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời

Bắc Ngụy, Nguyên Nghĩa cầm nắm quyền binh, bắt giam Thái hậu ở hậu cung hại Vương Dịch chết ở Hạ Tĩnh. Đến năm Hiếu Xương thứ nhất (525) thời Bắc Ngụy, Thái hậu trở lại cầm nắm vận cơ, truy tặng Vương Dịch là Thái tử thái sư đại tướng quân đô đốc nội ngoại các quân sự, mượn Hoàng nhung cấp 9 binh lữ, xe loan lớn vàng rực nhà, cờ tiết mao xe ôn lương trước sau xếp bộ vũ bảo, đánh thối hổ phần ban kiếm cả trăm người, hai bộ văn la, tang lễ y cứ theo việc cũ An Bình Vương Phù thời nhà Tấn, phong thụy hiệu cho Vương Dịch là Văn Hiếu, đồ họa hình tượng Vương Dịch tại điện kiến thủy, đề cửa Thanh hà quốc lệnh Hàn Tử Hy làm Hoàng môn thị lang, dời đổi hàng Vương quốc tam khanh làm chấp kích. Ở đời gần đây không có như vậy. Vì Văn Hiếu (Vương Dịch) mà tu tạo phước đức, xây dựng một ngôi Phù đồ 5 tầng, thợ làm tương tự như ở chùa Dao Minh vậy.

## 2. CHÙA TUYÊN TRUNG

Chùa Tuyên Trung do Thị Trung Ty Châu mục thành Dương Vương Huy tạo lập tại phía Nam Ngự đạo cách một dặm ngoài Tây Dương môn. Trong niên hiệu Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, Bắc Hải Vương vào Lạc Dương, vua Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du) đi tuần phương Bắc, các quan tướng mỗi mỗi đều ôm hoài hai ước mong, chỉ một mình Vương Huy là theo Hiếu Trang Vương đến thành Trường tử, gặp phải binh lính đông nhiều ngăn cản sông, trống mái chưa quyết định, Vương Huy nguyện vào Lạc Dương xả thí vườn nhà làm chùa, kip đến lúc Bắc Hải Vương bại tan, Quốc đạo trở lại mở mang, bèn xả thí vườn nhà vậy. Đến cuối niên hiệu Vĩnh An (530) thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Trang Đế tính mưu muốn giết Nhĩ Chu Vinh, sợ sự việc không thành nên hỏi bàn với Vương Huy. Vương Huy nói lấy cớ sinh Thái tử làm bài từ, Nhĩ Chu Vinh hẳn sẽ vào triều, nhân đó sẽ giết hại vậy. Hiếu Trang Vương nói: “Hoàng hậu mang thai đến 10 tháng, nay chỉ mới tháng thứ 9, có thể làm như vậy được chăng?” Vương Huy nói: “Phụ nữ sinh con có người kéo dài ngày tháng, có người giảm bớt ngày tháng, chẳng có gì phải lấy làm quái lạ”. vua Hiếu Trang Đế nhận chịu mưu tính đó bèn xưng là sinh Thái tử và sai phái Vương Huy đến để thất của Thái Nguyên Vương (Nhĩ Chu Vinh) báo là Hoàng tử đã sinh nở, gặp lúc Nhĩ Chu Vinh cùng Thượng Đẳng Vương Thiên Mục vui đùa đánh cờ, Vương Huy cởi khăn mào của Nhĩ Chu Vinh, khuyên vũ xoay quanh mâm. Vương Huy vốn là người độ lượng lớn, không tỏ vẻ mừng giận trên sắc mặt, đi quanh điện, trong ngoài mừng vui reo hò,

Nhĩ Chu Vinh bèn tin là thật, nên cùng Thiên Mục đồng vào triều. Vua Hiếu Trang Đế nghe Nhĩ Chu Vinh vào bất chợt mà đổi mặt. Trung Thư Xá Nhân Ôn Tử Thăng nói rằng: “Bệ hạ sắc mặt biến đổi”. Vua liền đòi lấy rượu để uống, sau đó bèn hành sự, Nhĩ Chu Vinh và Thiên Mục đã bị giết chết, vua Hiếu Trang Đế bèn bãi Vương Huy làm Thái Sư Tư Mã, còn các quan khác vẫn như cũ. Phép tắc nắm cầm tất cả binh lính riêng giao nhậm cả. Kịp đến lúc Nhĩ Chu Triệu bắt giam vua Hiếu Trang Đế, Vương Huy bèn đến Lạc Dương Lệnh Khẩu Tổ Nhân. Tổ Nhân là một nhà Thư sử đều là tướng của Vương Huy, ít có ân xưa cũ nên sang đó vậy. Tổ Nhân nói cùng các con em v.v... rằng: “Mới đầu nghe Nhĩ Chu Triệu kính mộ Thành Dương Vương Huy rất trọng, nếu ai bắt được thì sẽ phong tước tước hầu có ngàn nhà. Ngày nay sang giàu đã đến vậy”. Bèn chém giết Vương Huy mà tấu trình. Mới đầu Vương Huy đến nhà của Tổ Nhân có mang theo 100 cân vàng và 50 con ngựa. Tổ Nhân thấy của cải tài lợi ấy nên thực hành việc đó, vàng và ngựa có được, trong ty thân đều quân bình phân phát; chỗ gọi là kẻ thất phu không tội, ôm chầm lấy ngọc mắc tội, ấy thật đáng tin vậy. Nhĩ Chu Triệu có được cái đầu của Vương Huy, cũng chẳng tưởng thưởng gì cho Tổ Nhân, Nhĩ Chu Triệu bỗng nhiên cảm mộng Vương Huy bào rằng: “Ta có 200 cân vàng và 100 con ngựa hiện ở tại nhà Tổ Nhân, ông nên sang lấy vật đó”. Sau khi tỉnh giấc, Nhĩ Chu Triệu liền tự nghĩ lường, Thành Dương địa vị lớn trọng, chưa nghe đến sự thanh bản, phải tự vào nhà đó để xét xem, nếu vốn không có vàng bạc thì mộng đây có thể thật vậy. Đến sáng sớm, Nhĩ Chu Triệu bắt Tổ Nhân để nêu đòi vàng và ngựa đó. Tổ Nhân cho là có người kín mách báo nên trông nhìn phong thái mà thành thật phục nói là: “Thật có được 100 cân vàng và 50 con ngựa”. Nhĩ Chu Triệu nghi Tổ Nhân còn cất giấu, nên y theo mộng báo mà nêu bày số lượng. Tổ Nhân đến phòng vốn chỉ có 30 cân vàng và 30 con ngựa đều đưa đến hết cho Nhĩ Chu Triệu. Do không mang đến đủ số lượng, nên Nhĩ Chu Triệu mới tức giận, bắt Tổ Nhân treo đầu trên cây cao, dưới chân lại buộc đá lớn kéo xuống, dùng roi quất đánh mãi đến lúc chết. Người thời bấy giờ cho đó là giao báo. Dương Huyền Chi bảo là: “Người tích chứa điều lành hẳn có niềm an lạc dư thừa, kẻ tích chứa điều dữ, ương họa thấy đều đến. Tổ Nhân là kẻ mang ân trái lại bêu riu, tham của cải mà giết hại Vương Huy. Vương Huy bèn gá mộng báo tăng thêm số lượng vàng và ngựa, mượn tay của Nhĩ Chu Triệu mà trở lại giết Tổ Nhân, khiến Tổ Nhân trái qua nhận chịu đủ thứ khổ sở tạt cùng đồ thán. Tuy Ngụy Hầu đánh roi chuột đồng, Tần chúa giết hại

Điều Trần. Lấy đó mà luận bàn cũng không thể thêm hơn vậy”.

### 3. CHÙA VƯƠNG ĐIỂN NGỰ

Phía Đông chùa Tuyên Trung có chùa Vương Điển Ngự, do Hoạn quan Dương Vương Đào Thang tạo dựng. Bấy giờ các ngôi già lam do Hoạn quan tạo dựng đều là chùa chư Ni ở. Chỉ có chùa của Đào Thang dựng lập là chùa chư Tăng ở, nên người thời bấy giờ xưng gọi Đào Thang là anh hùng. Tại cửa có một ngôi Phù đồ 3 tầng, các thợ xây dựng khéo đẹp hơn hẳn với ở chùa Chiêu Nghĩa. Các chùa do quan lập thì chùa Chiêu Đế rất có tiếng nhập thất, mỗi tháng vào 6 ngày trai thường có đánh trống ca múa vậy.

### 4. CHÙA BẠCH MÃ

Chùa Bạch Mã, do vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán tạo lập, là ngôi chùa đầu tiên đánh dấu Phật giáo lưu truyền đến Trung Hoa. Chùa nằm tại phía Nam Ngự đạo cách 3 dặm ngoài Tây Dương Môn. vua Minh Đế mộng thấy vị thần vàng cao lớn trượng sáu, lưng cổ đeo mang ách sáng Nhật Nguyệt, thần vàng ấy hiệu là Phật, bèn sai phái kẻ sứ đến Tây Vực để tìm cầu, mới thỉnh cầu được kinh tượng. Khi ấy dùng ngựa trắng mang chở về, nhân đó tạo lập chùa đặt hiệu là chùa Bạch mã ( ngựa trắng). Đến sau khi vua Minh Đế băng hà, xây dựng tinh xá kỳ hoàn ngay trên gò mộ. Từ đó trở về sau, trên gò mộ của dân chúng đều có làm Phù đồ. Trên chùa có hộp kinh đến nay vẫn hiện còn và thường đốt hương cúng dường đó. Hộp kinh ấy có lúc tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp phòng nhà, vì thế, các hàng Đạo tục rất mực lễ kính như kính ngưỡng chân dung vậy. Phía trước Phù đồ có rừng trái nài, Bồ Đào khác hẳn so với những nơi khác, cành lá tốt tươi tỏa rộng, trái hạt thật rất lớn, trái nài nặng thật đến 7 cân, Bồ Đào lớn tợ trái táo, mùi vị đều đẹp lạ hẳn các thứ ở chốn kinh đô. Đến lúc chín, vua thường đến đó hái lấy hoặc đem tặng cho cung nhân, cung nhân có được đó lại chuyển tặng cho bà con thân thích. Vì nó có mùi vị kỳ đặc nên những người có được chẳng dám ăn liền, phải xoay chuyển trái qua vài nhà. Tại kinh đô có lời nói rằng: “Một trái lựu ngọt ngon ở chùa Bạch mã trị giá bằng một con bò”. Có Sa-môn Bảo Công, không biết là người ở xứ sở nào, thân hình tướng mạo rất xấu xí, nhưng tâm có thông đạt, thấu suốt mọi sự ở quá khứ và tương lai, dự biết thấy rõ cả ba đời. Mở lời nói tợ như sấm, không hề hiểu nổi, sau khi sự việc đã qua, mới nghiệm chứng đó là thật. Hồ Thái hậu nghe thế bèn hỏi về việc đời.

Sa-môn Bảo Công nói: “Nắm thóc cho gà ăn, miệng gọi chu, chu”. Mọi người lúc ấy không ai có khả năng nhân hiểu. Đến năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Thái hậu bị Nhĩ Chu Vinh làm hại mới nghiệm biết về lời nói ấy. Bấy giờ, cũng có Triệu Pháp Hòa là người xứ Lạc Dương xin đoán về sớm muộn có được tước vị chăng? Sa-môn Bảo Công nói: ‘Tre lớn chẳng cần lông cánh, nhà chái phía Đông gấp tay làm’. Khi đó chẳng hiểu trong ý muốn nói gì. Qua hơn 10 ngày sau, Triệu Pháp Hòa chịu tang thân phụ. Tre lớn tức là chiếc gậy, nhà chái phía Đông tức là Ý Lô tào 12 bản thân ca. Trọn lời nói ấy vậy.

### 5. CHÙA QUANG BẢO

Chùa Quang Bảo tại phía Bắc Ngự đạo ngoài Tây dương môn. Có một ngôi Phù đồ 3 tầng được xây dựng nên mòng bằng đá, hình dáng chế tạo rất xưa cổ, Họa Công khắc chạm. Ấn Sĩ Triệu Dật trông thấy mà than rằng: “Chùa Thạch tháp ở triều Đại nhà Tấn nay gọi là chùa Quang Bảo vậy”. Có người hỏi về Nguyên do. Triệu Dật đáp rằng: “Trong Triều Đại nhà Tấn có 32 ngôi chùa, đến nay đều đã bị hư hoại, chỉ riêng còn sót lại một ngôi chùa này”. Và đưa tay chỉ một chỗ trong vườn mà bảo rằng: “Đây là nơi nhà tắm, phía trước các 5 bộ có một cái giếng”. Chúng Tăng bèn đào bới quả nhiên có nhà và giếng. Giếng tuy đã bị lấp bít mà gạch ở miệng vẫn như mới đầu, dưới nền nhà tắm có vài mươi viên đá. Bấy giờ, ao vườn bằng phẳng thoáng rộng, rau quả hành xanh, không ai chẳng than thở vậy. Trong vườn có một cái biểu hiện là Hàm Trì, lan phù che bờ, ấu sen phủ nước, tùng xanh trúc biếc mọc tràn bên cạnh. Các hàng sĩ tử ở kinh ấp, vừa lúc sáng sớm mặt nhật đẹp xinh, tắm gội rồi trở về, nêu bảo cùng bè bạn đồng đi đến chùa ấy. Xe mây tiếp vết, lọng cách thành râm, hoặc đặt rượu nơi rừng suối, hoặc đề thơ ở vườn hoa, bẻ ngó sen, dưa nổi, lấy làm thích thú. Đến cuối niên hiệu Phổ Thái (531) thời Bắc Ngụy, Ung Châu Thứ sử Lũng Tây Vương Nhĩ Chu Thiên quang dẫn cả binh ngựa đến chùa ấy. Cửa chùa vô cơ tự nhiên sụp đổ. Thiên Quang trông thấy mà phát ghét. Năm đó, Thiên Quang chiến bại, bị chém ở phía Đông chợ.

### 6. CHÙA PHÁP VÂN

Chùa Pháp Vân do Sa-môn Đàm-ma-la; người hồ ở nước Ô Trường tại Tây Vực tạo dựng. Chùa nằm phía Tây chùa Quang Bảo, cách tường mà cùng cửa. Sa-môn Đàm-ma-la là người thông tuệ lợi căn, học cùng giáo điển Phật giáo, khi đến Trung Hoa liền hiểu ngôn ngữ của Trung

Hoa thời nhà Ngụy và khéo biết viết lối chữ lệ, phàm mọi sự thấy nghe, không gì chẳng thông hiểu. Vì vậy các hàng Đạo tục sang hèn đồng nhau. Quy hướng kính ngưỡng, tạo một ngôi chùa Kỳ Hoàn, các thợ thiết chế rất tinh xảo, điện Phật phòng Tăng đều kiến trúc theo của người Hồ, đồ trắng ánh ngời hình sắc, vàng ngọc tựa rủ bóng ngời, mô phỏng tạo chân dung tựa như thân Phật cao trượng sáu thấy ở Lộ Uyển, Thần Quang tráng lệ như Kim cang ở tại song lâm. Trong khuôn viên già lam hoa quả tốt tươi, cỏ thơm mọc tràn, gỗ quý rủ bóng giữa sân. Các Sa-môn ở kinh đô mến thích giáo pháp của người Hồ đều đến chỗ Sa-môn Đàm-ma-la mà thọ học hàng trì. Sa-môn Đàm-ma-la giới hạnh thật khổ, khó thể khen lao. Bí chú rất thần nghiệm, khắp chốn Diêm phù hiếm có như thế, chú cây khô có thể đâm mọc lại cành lạ, chú người biển làm thành lừa ngựa. Trông thấy vậy không ai chẳng vui mừng và lo sợ. Từ Tây Vực, Sa-môn Đàm-ma-la mang theo cốt xá-lợi, răng Đức Phật và kinh tượng đều đem đến chùa ấy.

Phía Bắc chùa đó có vườn nhà của Trung Thượng Thư Lệnh Lâm Hoài Vương Lận. Vương Lận là người thông rộng sách vở, trí tuệ biện tài trong nhà, phong nghi rõ xét, dung chỉ khả quan, tổ đạt Tam nguyên Triệu Khánh, muôn nước đều quý trọng, vàng xâu nối liền ngời sáng trên đầu, ngọc báu đeo kêu ở eo lưng, mang sen nắm hốt, đi lượn nhiều đường, mọi người trông nhìn quên cả nhọc mệt, không ai chẳng thần phục. Tánh Vương Lận ưa thích suối rừng lại quý trọng tân khách. Đến lúc gió xuân lay thổi, cây hoa như gấm, ăn dùng bữa sáng tại Nam quán, đêm về rảo bước trong Hậu viên. Các bậc Liêu quan đông thành đoàn, dân chúng tài tuấn đầy chỗ ngồi, Tơ đồng phát hưởng, thương vũ lưu hành, thi phú đều bày, lời trong chột nổi, không ai chẳng thấm đượm huyền áo ấy, quên hẳn sự bỉ lậu nơi chính mình. Do đó, vào nhà Vương Lận, mọi người đều cho là đến cảnh Tiên. Có tú tài Trương Bùi Thường ở Kinh Châu làm bài từ ngũ ngôn, có câu Thanh Bạt nói rằng: “Thu Khác, Hoa cùng sắc; cây riêng, chim đồng lời”. Vương Lận bèn đem gấm giao long mà tặng cho đó, cũng có người được lụa đào sợi to, lụa đào sợi mỏng, chỉ có Bùi Tử Minh ở Hà Đông làm thơ không đạt nên bị phạt một thạch rượu. Suốt 8 ngày Bùi Tử Minh say ngủ, người thời bấy giờ ví dụ đó như là Sơn Đào, kịp đến lúc Nhĩ Chu Triệu vào kinh đô, Vương Lận bị giặc loạn giết hại, mọi người khắp chốn triều đình đến thôn dã đều đau thương mến tiếc.

Ra ngoài Tây minh môn, cách 4 dặm về phía Nam Ngự đạo có chợ lớn Lạc Dương chu vi rộng 8 dặm. Phía Nam chợ có Hoàng nữ Đài

do Đại tướng Quân Lương ký dựng lập ở thời nhà Hán, hiện còn cao hơn 5 trượng. Trong khoảng niên hiệu Cảnh Minh (500-504) thời Bắc Ngụy, Tỳ-kheo Thích Đạo Hằng tạo dựng chùa Linh Tiên tại trên đó, phía Tây đài ấy có Hà Dương huyện Đài, bên trong có vườn nhà của Thị trung hầu cương. Về phía Tây Bắc chợ có ao cá Thổ Sơn cũng do Lương ký tạo lập, tức như trong Hán thư nói là: “Nhặt đất đắp núi mười dặm, chín sườn núi dùng voi hai Hào” vậy. Phía Đông chợ có hai làng Thông Thương và Đạt Hóa, người dân trong làng phần nhiều khéo giỏi mổ giết buôn bán làm nghề sống, của cải giàu có bạc vạn. Có Lưu Bảo là nhà rất giàu có, là nơi châu quận đều tụ hội, đều tạo lập một vườn nhà, mỗi mỗi nuôi một con ngựa. Đến như các thứ muối thóc sang hèn giá chợ cao thấp đều tại một hàng, xe thuyền lưu thông, nơi vết chân giẫm bước không đâu chẳng buôn bán khách thương. Vì vậy mà của cải đều chất chứa nơi sâu nhà Lưu Bảo, tài sản sánh như núi Đồng, nhà cửa cất giấu hang vàng. Vườn nhà vượt hẳn, tạo dựng lầu quán vút ngoài mây, xe ngựa mặc mang trang sức như Vương giả. Phía Nam chợ có hai làng Điều Âm và Nhạc Luật. Người dân trong làng khéo giỏi đàn sáo âu ca, những diệu kỹ trong thiên hạ đều phát xuất từ đó. Có Điền Tăng Siêu là người khéo giỏi thổi kèn lá, hay làm Tráng sĩ ca và Hạng vũ ngâm, Chinh Tây Tướng Quân Thôi Diên Bách rất mến thích đó. Đến cuối niên hiệu Chánh Quang (525) thời Bắc Ngụy, Cao Bình mất điểm chiếm cứ, nghịch lại xích bác khắp trận, giặc soái Vạn Hưu xú nô bạo cướp ở vùng kinh kỳ. Triều đình vì vậy mà đói kém. Thôi Diên Bách dẫn đầu bộ kỵ gồm 5 vạn binh lính đi đánh dẹp đó. Thôi Diên Bách dẫn quân lính ra kinh đô đến cầu trương phương ở phía Tây thành Lạc Dương tức chỗ Đình Tịch Dương ở thời nhà Hán vậy, khi ấy các bậc công khanh tổ đạo xa kỵ sắp thành hàng. Thôi Diên Bách đội mũ cao, nắm kiếm dài khu võ sáng ở trước, Điền Tăng Siêu thổi khúc tráng sĩ ca theo sau. Người nghe thấy, kẻ yếu mềm trở thành cứng mạnh, kẻ kiêu khách nghĩ ngợi phân phát, Thôi Diên Bách can đảm chẳng ai bằng, oai danh nổi vượt, vì nước nhà mà khai triển sức lực, hơn 20 năm đánh không nhọc thành, chiến không cống trận. Do đó, mà cả triều đình đều dốc lòng đưa tiễn. Mỗi lần vào trận, Thôi Diên Bách bảo Điền Tăng Siêu làm tiếng tráng sĩ, nên những kẻ sĩ áo giáp mũ trụ nhảy nhót cùng Thôi Diên Bách lên ngựa vào trận, bên cạnh như không có người, hùng dũng trùm cả tam xa, oai phong chấn động cả kiếm dựng, chỉ trong thời gian 2 năm hiển tiếp tương tục. Xú nô chiêu mộ tay thiện xạ bắn Điền Tăng Siêu chết, Thôi Diên Bách buồn tiếc rống khóc. Mọi người chung

quanh cho rằng: “Bá Nha mất Chung Tử Kỳ chưa lấy làm quá lắm vậy. Về sau, Thôi Diên Bách vì trong dòng mất ở giữa bèn chết trong quận trận, cả 5 vạn binh lính đồng một lúc tan mất! Phía Tây chợ có hai làng Thối Cô và Trị Thương, người dân trong làng phần nhiều ủ rượu làm nghề sống chính. Có Lưu Bạch Đọa người xứ Hà Đông khéo giỏi ủ men rượu, vào lúc tháng 6 thời tiết nắng nóng dùng vò chứa rượu phơi giữa trời, trải qua một tuần, rượu ấy ngưng đọng không máy động, uống vào thì nghe mùi vị rất thơm ngon mà say trải qua cả tháng chưa tỉnh. Các hàng Triều quý ở kinh đô phần nhiều ra quận đến phiên, xa cùng đem tặng thưởng vượt cả ngàn dặm. Vì rượu ấy từ xa đến, nên gọi là Hạc Thương, cũng gọi là rượu cưới lữ. Trong niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy, có Nam Thanh Châu Thứ Sử Mao Hồng Tân mang rượu đó đến phiên, gặp giặc giữa đường trộm cướp lấy uống liền say và đều bắt được. Nhân đó còn gọi là rượu bắt gian. Du Hiệp nói rằng: “Không sợ trượng cung rút dao, chỉ sợ rượu đục của Lưu Bạch Đọa. Phía Bắc chùa có hai làng Từ Hiếu và Phụng Chung, người dân trong làng phần nhiều làm nghề bán quan quách, chuyên nghiệp kéo xe mướn, có Văn Ca Tôn Nham lấy vợ đã 3 năm, chẳng cởi áo mà nằm, Tôn Nham nhân đó lấy làm quái lạ, bèn dòm ngó người vợ lúc ngủ, ngấm cởi áo ra thấy có 3 sợi lông dài 3 thước hình dáng tựa như đuôi Dã Hồ, Tôn Nham khiếp sợ mà chạy ra. Đến lúc sắp đi, người vợ ấy nắm dao cắt tóc Tôn Nham mà chạy đi, người láng giềng rượt đuổi theo, bèn biến thành một con chồn cáo nên đuổi bắt nó không được. Sau đó trong kinh ấp có hơn 130 người bị cắt tóc. Mới đầu con chồn cáo ấy biến làm người phụ nữ ăn mặc sạch đẹp, khiến người đi đường trông thấy mà vui thích, khi đến gần nó đều bị cắt tóc. Bấy giờ có một phụ nữ mặc áo lụa thêu, mọi người đều cho đó là chồn cáo làm mê hoặc. Từ trong tháng 04 năm Hy Bình thứ 2 (517) thời Bắc Ngụy cho đến tháng 8 mới ngưng bút. Riêng có hai làng Chuẩn Tài và Kim Tứ. Những nhà giàu có phần đông đều ở trong đó. Phàm xứ đó trong khoảng 10 dặm, dân chúng lắm nhiều là công thương buôn bán, mỗi một ngôi nhà sánh cả ngàn vàng, tầng lầu đối mặt, cửa lớp mở cánh, đường gác giao thông, lần lượt cùng trông gần, vàng bạc gấm lụa, tô tở xiêm y, năm thứ mùi vị thức ăn, có đủ tám thứ ngon lạ, đưa ở kẻ làm cả thủy đều no miệng. Trong niên hiệu Thái Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, vì các công thương tấu trình bàn nghị không cho vận mặc vàng bạc gấm lụa. Tuy lập ra định chế đó mà trọn chẳng thi hành.



## 7. CHÙA KHAI THIÊN Ở LÀNG CHUẨN TÀI

Chùa Khai Thiên là vườn nhà xưa cũ của Vi Anh người xứ Kinh Triệu. Vi anh chết sớm, có người vợ vốn dòng họ Lương chẳng chịu để tang mà lại lấy chồng nên đính ước với Hưởng Tử Tập người xứ Hà Nội làm chồng, tuy nói là cải giá nhưng vẫn ở nhà của Vi Anh. Vi Anh nghe vợ lại lấy chồng, bèn giữa ban ngày cưỡi ngựa trở về cùng dẫn theo vài người, vừa đến trước sân nhà, kêu rằng: “A Lương! Khanh quên ta rồi ư?” Hưởng Tử Tập kinh sợ nâng cung bắn, ứng với mũi tên mà ngã té, Vi Anh liền biến làm người Đào, con ngựa cưỡi theo đó biến làm thành ngựa mao, vài người cùng đi theo cũng biến làm thành người Bồ. Lương Thị (vợ Vi Anh) kinh sợ xả thì vườn nhà để lập thành chùa.

Có hầu khánh người xứ Nam Dương có một tôn tượng bằng Đồng cao hơn một trượng. Hầu khánh có một con trâu, nghĩ phỏng làm sắc màu vàng ròng, gặp phải việc gấp bèn giao trâu cho người khác sử dụng. Qua 2 năm sau, vợ của Hầu khánh vốn dòng họ Mã bỗng nhiên cảm mộng tôn tượng đó bảo rằng: “Vợ chồng nhà người mắc nợ ta sắc màu vàng ròng đã từ lâu mà không bồi thường. Nay ta lấy con của người là Xú Đa để thay thế vàng ròng ấy”. Sau khi tỉnh giấc, trong lòng bồi hồi không an. Mãi đến sáng sớm, Xú Đa cảm mắc bệnh mà chết. Hầu Khánh đã 50 tuổi mà chỉ có một đứa con nên vô cùng xót thương đó, tiếng khóc than cảm động người đi đường. Ngày Xú Đa chết, tôn tượng ấy tự nhiên tỏa phóng ánh sáng sắc màu vàng ròng soi chiếu khắp bốn phía. Trong khoảng một dặm mọi người nghe có mùi hương thơm khác lạ, các hàng Tăng tục lớn nhỏ đều đến trông xem. Thượng thư Hữu Bộc Xạ Nguyên Thận nghe trong làng ấy từng xảy ra các điều quái lạ bèn đổi tên làng chuẩn tài thành tên làng Tề Hải.

Từ làng thối cô trở về hướng Tây, Trương Phương khơi dòng nước đổ về hướng Đông, phía Nam gần Lạc thủy, phía Bắc đến tận mang sơn. Giữa khoảng Đông Tây rộng 02 dặm, Nam Bắc dài 15 dặm, đều gọi là làng Thọ Khâu, là nơi ở của dòng tộc Hoàng Tông, trong dân gian gọi đó là phường Vương Tử. Bảy giờ bốn biển bình yên, tám xứ dẫn chúc, đầy châu ghi vui mừng, đước ngọc đốt điều thời khắc, dân chúng giàu có đông đúc, thường năm bày lên niềm vui trong đời. Quan quả (góa vợ góa chồng) không nghe ăn của heo chó, trơ trọi một mình chẳng thấy áo của trâu dê. Do đó dòng tộc vương hầu, công chúa ngoại thích, chiếm sự giàu có của núi biển, ở nơi đầy đủ của sông rừng, tranh nhau sửa sang vườn nhà, cùng nhau kheo trượng, cửa cao nhà lớn, cửa suốt phòng liền, Quán bay nổi gió, tấng lầu bốc sương, đài cao cỏ thơm cây quý nhà nhà

đều dựng xây, rừng hoa ao cong vườn vườn đều có, không đâu chẳng Đào lý xanh bóng ngày Hạ, trúc bách biếc là mùa Đông. Mà Hà gian Vương Sâm rất là đứng đầu giàu có, từng cùng Cao Dương tranh quyền hành tạo dựng văn Bách đường, hình dáng như điện Huy Âm, đặt giếng ngọc lộ vàng, dùng vàng 5 sắc bên làm dây, kỹ nữ có 300 người đều là hạng quốc sắc. Có đứa tớ tên là Triệu Vân khéo thổ sáo trì (có 8 lỗ), hay làm đoàn phiến ca âm thanh Lũng thượng. Vương Sâm bảo Triệu Vân giả làm bà già nghèo khổ thổ sáo trì để xin ăn. Các rợ khương nghe đó thấy đều rơi lệ, lần lượt cùng nói với họ rằng: “Cớ sao đành bỏ phần mộ giếng nước ở núi hang mà làm giặc vậy?” Họ bèn cùng nhau dẫn trở về hàng phục. Tần Thị nói rằng: “Khoái thích con của Mã Kiện chẳng bằng bà già thổ sáo trì”. Vương Sâm ở tại Tần châu phần nhiều không công tích quốc chính, sai sứ đến Tây Vực tìm kiếm danh mã (ngựa tốt giỏi). Kể sứ bèn xa đến nước Ba Tư có được con ngựa đi ngàn dặm, đặt tên là “Truy phong xích ký”, tiếp theo có hơn 10 con đi được 700 dặm, đều có đặt tên gọi. Dùng bạc làm chuông, lấy vàng làm vòng khóa. Các vương hầu phục sự giàu sang đó. Vương Sâm bảo cùng mọi người rằng: “Thạch Sùng ở thời nhà Tấn chỉ là dòng họ thứ dân mà còn có thể dùng đầu chim trĩ, da nách chồn cáo họa mèo khắc củi. Hướng hồ ta đây là nước Đại Ngụy Thiên vương, chẳng lấy làm xa hoa hao tổn”. Bèn tạo dựng nghinh phong quán ở vườn sau, trên cửa sổ liệt bày vòng khóa tiền xanh, phụng ngọc ngậm khánh, rồng vàng nhả ngọc bội. Nại trắng lý đỏ cành nhánh rủ vào diềm, kỹ nữ trên lầu ngồi mà hái ăn. Vương Sâm thường nhóm tụ tông thất bày các vật báu nào bình vàng lộ bạc có hơn trăm cái, âu chén, đế đèn mâm hộp cân xứng, ngoài ra đồ vật đựng rượu có bát thủy tinh, chén mã não, lưu ly, chén ngọc sắc đỏ có vài mươi cái, thợ làm rất kỳ diệu, ở xứ Trung Hoa không có, đều mang đến từ xứ Tây Vực. Lại bày các nữ nhạc cho đến các danh mã. Lại dẫn các vương hầu xét xem phủ kho, tờ len ngọc ky, lưới băng màn mốc tích chứa đầy bên trong, tú, hiệt, dầu, tơ, lụa sắc màu, việt cát, tiền, vải quyên v.v... nhiều không thể tính kể. Bỗng nhiên, Vương Sâm nói cùng Chương Võ Vương Dung rằng: “Ta không hận chẳng thấy Thạch Sùng, chỉ hận Thạch Sùng chẳng thấy được tôi”. Vương Dung tánh nét tham bạo, chỉ ý ham muốn không hạn, thấy vậy mà oán thán, bất chợt sinh bệnh trở về nhà nằm suốt ba ngày không dậy. Có Giang Lăng vương kể đến trông xem bệnh mà nói rằng: “Tài sản của ông đáng được cân bằng, sao than tham tiện mà đến nỗi này?” Vương Dung nói: “Thường cho rằng tại Cao Dương có một người nhiều của báu đó chỉ là Vương Dung, ai biết đến Hà giang

trông thấy đó đã đứng trước vậy”. Vương Kế cười bảo: “Ông muốn làm viên thuật chi ở Hoài Nam, chẳng biết trong thế gian lại còn có Lưu Bị”. Vương Dung mới gắng dậy, đặt rượu làm vui.

Bấy giờ trong nước nhà giàu có thịnh vượng, kho chứa tràn đầy, tiền bạc vải quỳen bày chất ngoài hiên, không thể tính kể. Đến lúc Thái hậu ban tặng trăm quan tùy ý tự lấy mang vác vải quỳen. Các hàng triều thần không ai chẳng dốc sức lấy mang đi. Chỉ có Vương Dung cùng với Hầu Lý Sùng ở Trần Lưu mang vải quỳen đi qua đập ngã sũng bày thân hình. Thị trung Thôi Quang chỉ lấy 2 xấp, Thái hậu hỏi Thôi Quang có sao lấy ít. Thôi Quang đáp rằng: “Thần có 2 tay chỉ kham lấy 2 xấp là nhiều lắm vậy”. Các hàng Triều Quý kính phục sự thanh liêm ấy. Trải qua lính của Hà Âm gia nguyên giết hết, để thất của các vương hầu phần nhiều để làm chùa. Cổng làng thọ khâu liệt bày chùa cùng trông nhau, kỳ hoàn ùn nổi, tháp bầu vút cao. Hằng năm vào ngày mồng 8 tháng 04, các hàng sĩ nữ ở kinh đô phần nhiều đến chùa Hà giang trông xem hiên vũ xen nhau ánh lệ, không ai chẳng ngợi ca cho là Bồng lai tiên thất cũng chẳng hơn vậy! Vào sau vườn đó, thấy bờ đê ngồi rảnh đá phẳng đá ngậm, sen đỏ nổi trên, lục bình xanh biết nổi giữa dòng nước, cầu bay đập đến các cao, cây vút ngoài mây, thấy đều nức nở khen hoài cho rằng tuy vườn thổ của Lương vương tưởng cũng chẳng như thế.

## 8. CHÙA TRUY QUANG

Chùa Truy Quang là vườn nhà của Thượng Thư Lệnh Đông Bình Vương Lược. Vừa mới sinh mà vương lược đã thành oanh, tuy bé nhỏ nhưng khuôn mặt tợ lão thành, rộng thẩm đượm các sách, mến thích Đạo chẳng mỗi mệ. Trong khoảng niên hiệu Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, Vương Lược làm Hoàng Môn Thị Lang, Nguyên Nghĩa Chuyên Quyên chấp chánh, trái ngược thêm Tể phụ, Vương Lược kín cùng người anh là Tương Châu Thứ Sử Trung Sơn Vương Hy muốn dấy khởi nghĩa binh hỏi tội Quân hèn dốt, Hùng Quy chẳng đến, động khởi đồng mưu. Anh em của Vương Lược có 4 người đều bị sa lưới đồ thán, chỉ có một mình Vương Lược lánh mình chạy đến Giang Tả. Tiêu Diễn vốn nghe tên Vương Lược, thấy Vương lược khí độ khoan hòa, văn học ưu chiêm, nên rất lấy làm kính trọng, hỏi rằng: “Tại Lạc Trung, có như Vương Lược có được bao nhiêu người?” Vương Lược đáp rằng: “Ngày thần ở tại bản triều, nhân thiếu nên tiếp làm Quan. còn đến như vẻ đẹp của Tông miếu, giàu sang của trăm quan, Uyên Ương tiếp cánh, kỷ tử thành râm. Cỡ như thần mà sánh thì Triệu Tư đã nói là xe chở đong

lượng không tính hết được”. Tiêu Diễm cười lớn, mới phong làm Trung Sơn Vương, thực ấp 1.000 hộ, nghi vũ sánh như Hoàng tử, dịp đến lúc đẹp trừ tuyên thành thái thú, cấp cỗ thứ một bộ, lính kiếm 1.000 người. Vương Lược làm chính thanh túc, rất có tiếng tăm sửa trị. Các hàng Triều Quý ở Giang Đông xa xỉ kiêu căng cao ngạo, thấy Vương Lược vào triều, không ai chẳng kính sợ sự tiến dừng của Vương Lược. Sau đó dời đổi làm Tín Võ Tướng Quân Hành Châu Thứ Sử. Đến năm Hiếu Xương thứ nhất (525) thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ) rộng tha thứ cho Giang Cách; người xứ ngô, thỉnh mời Vương Lược trở về lại nước nhà. Giang Cách là Đại tướng của Tiêu Diễm. Tiêu Diễm nói rằng: “Trẫm thà mất giang cách chứ không thể không có Vương Lược”. Vương Lược nói: “Thần gặp phải hoạn nạn tai họa của gia đình, xương cốt người thân chưa gom nhặt, nên xin trở về lại bản triều thâu gom coi thử còn mất”. Nhân đó liền buồn khóc. Tiêu Diễm cũng xót thương đó mà sai phái đi, và cấp tặng 500 vạn tiền, 200 cân vàng, 500 cân bạc, tơ lụa các vật báu nhiều không thể tính kể, đích thân Tiêu Diễm dẫn trăm quan đưa tiễn đến Giang thượng. Làm thơ ngũ ngôn biếu tặng có hơn trăm người. Phàm được lễ kính đến nỗi như thế. Mới đầu, Vương Lược vừa đến sông Hoài, vua Hiếu Minh Đế mời làm thị Trung Nghĩa Dương Vương, ban cấp thực ấp 1.000 hộ. Vương Lược đến cung quyết có sắc chiếu nói rằng: “Xưa trước Lưu Thương khéo thiên lợi tạo dựng Đông Bình, Tào Thức hay văn mở lớn nước Trần. Đó là dùng tiếng Bưu Bàng Thạch Nghĩa Uất Duy Thành, Thị Trung Nghĩa Dương Vương Lược thể tự phần hoa, vốn nhà hun đúc xưa trước nổi bầy, trong đượm nhuần, ngoài tỏa sáng, anh em kỳ vĩ như đã thấy nghĩa mà mất nhà, vất bỏ mạng sống vì đất nước, trọn nói trung liệt, ngày nào mới quên đó, trước kia tuy buông gánh vì lương, nay tiện nói xoay trở lại dưới cung quyết, thật là có chí có tiết, hay tử hay chung, mới truyền về đẹp đỏ xanh, treo sánh như nhật nguyệt”. Ngày trước chưa đến, Vương Lược ngay tâm lập xứng, nên phong làm Nghĩa Dương Vương, nhưng nước đã thuộc xứ biên địa, ngụ ở ăn dùng tại ấp khác, cầu xin đó đôi ba phen mà chưa thật là hết sức tốt lành. Nên sánh đức cân phong tìm mùi thơm đùm bọc anh liệt, có thể đổi phong làm Đông Bình Vương, số hộ vẫn như cũ, sau lại tiến phong làm Thượng thư nghi đồng tam ty, Lãnh quốc tử tể tửu thị trung vẫn như cũ. Vương Lược thông dong nhân nhả vốn tự là bẩm chất, ra Nam vào Bắc, chuyển lại cao xa, nói luận động tĩnh, đáng làm bậc mô phạm từ triều đình đến thôn dã. Đến năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Vương Lược qua đời tại Giang Âm, được phong

tặng là Thái bảo, thụy hiệu là Văn Trinh. Người phụng thờ tiếp nối là vương Cảnh Thức xả thí vườn nhà tạo lập nên chùa ấy.

### 9. CHÙA DUNG GIÁC

Chùa Dung Giác do Thanh Hà Văn Hiếu Vương Dịch tạo lập, tại phía Nam Ngự đạo ngoài Lư hạp môn. Có một ngôi Phù đồ 5 tầng, cùng ngang bằng như chùa Xung giác v.v... điện Phật phòng ăng đầy tràn một dặm. Có Tỳ-kheo Đàm Mô rất khéo giỏi về thiền học, giảng các kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Tăng Đồ có cả ngàn người. Có Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi vốn người Hồ ở nước Thiên Trúc thấy thế mà kính lễ tôn xưng là Bồ-tát. Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi thấu hiểu Phật nghĩa rất nổi danh. Các giống người Di ở những nước phía Tây đều xưng gọi là A-la-hán, thông hiểu tiếng Trung Hoa thời Nguyên Ngụy và khéo viết lối chữ lệ, phiên dịch các kinh luận như Thập địa, Lăng Già v.v... Cả thấy 23 bộ. Tuy ở thạch thất mà ghi tả lời vàng, nhà cỏ mà truyền chân giáo. Chẳng đâu có thể hơn vậy. Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi đọc bộ “Đại thừa Nghĩa Chương” của Đàm Mô Tối, từng khảy móng tay tán thán xưng lời vi diệu, tức là Hồ thủ ghi tả và lưu truyền vậy. Các Sa-môn người Tây Vực ở Tây Vực thường hướng về phương Đông xa kính lễ đó, tôn xưng Đàm Mô Tối là Thánh nhân ở phương Đông vậy.

### 10. CHÙA ĐẠI GIÁC

Chùa Đại Giác do Quảng Bình Vương Hoài xả thí vườn nhà mà tạo lập, chùa ở tại phía Tây cách chùa Dung Giác một dặm. Về phía Bắc thì trông nhìn đến mang lãnh, phía Nam nhìn tới Lạc nhướ, phía Đông trông tới Cung quyết, phía Tây ngoáy nhìn tới Kỳ Đình, thần cao bày thoát thật là Thắng Địa vậy. Do đó. Trong văn bia, Ôn Tử Thăng ghi tả rằng: “Tây sông, Bắc núi, tả triều, hữu chợ” là đó vậy. Vây quanh chỗ ở, trên điện đường thiết trí 7 tôn tượng Phật, rừng, ao, các bay sinh như ở chùa Cảnh Minh. Đến như gió xuân lay động cây thì lan bày lá tía, sương thu rơi cỏ thì cúc nở hoa vàng. Các bậc danh tăng vắng lặng để dứt phiền. Đến trong niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy, Bình Dương Vương (?) lên ngôi, tạo dựng một ngôi Phù Đồ bằng gạch, các thợ thiết chế đất đá rất mực tinh diệu tráng lệ, ban sắc Trung Thư Xá Nhân Ôn Tử Thăng soạn thuật văn bia ấy vậy.

### 11. CHÙA VĨNH MINH

Chùa Vĩnh Minh do Tuyên Võ Hoàng Đế (Nguyên Khác 500-516)

tạo lập tại phía Đông chùa Đại Giác. Bấy giờ, Phật pháp kinh tượng rất hưng thịnh tại Lạc Dương. Những Sa-môn ở các nước khác đều đến đông nhiều, mang tích trì kinh thích đến đất Lạc này, nên vua Thế Tông (Tuyên Võ đế - Nguyên Khác) tạo lập nên chùa này để ở nghỉ. Phòng nhà liền tiếp vây quanh có hơn ngàn gian. Sân bày trúc dài, diềm mái phẩy phát từng cao, hoa kỳ cỏ lạ phủ tràn thêm cấp. Chư vị Sa-môn trong trăm nước có hơn 3.000 người. Có vị từ Tây Vực xa cho đến nước Đại Tần, khắp cùng biên thùy phía Tây của đất trời, đánh đập quán điểm hoang dã của muôn dân, làm thành ấp nhà cùng trông nhau, y phục xe ngựa phỏng theo phong nghi ở Trung Hoa. Ở phía Nam trung có nước Ca Doanh, cách kinh đô rất xa, phong thổ cách tuyệt, đời đời chẳng cùng giao thông với Trung Hoa. Tuy hai triều đại nhà Hán (Tây Hán và Đông Hán) cho đến thời Tiền Ngụy cũng chưa từng đến vậy. Nay mới bắt đầu có Sa-môn Bồ-đề Bạt-đà tự nói là từ phía Bắc đi một tháng mới đến nước Câu Trĩ. Lại theo hướng Bắc đi 12 ngày đến nước Tôn Điển. Từ nước Tôn Điển theo hướng Bắc đi 30 ngày đến nước Phù Nam, vuông 500 dặm, đó là nước của Nam Di rất lớn mạnh, dân chúng đông nhiều, là nơi sản sinh các thứ minh châu vàng ngọc và thủy tinh đẹp lạ, có lắm nhiều cây cau. Từ nước Phù Nam theo hướng Bắc đi một tháng đến nước Lâm Ấp, ra nước Lâm Ấp vào nước Tiêu Điển. Sa-môn Bồ-đề Bạt-đà đến ở Dương châu hơn một năm, lại theo Tỳ-kheo Pháp Dung từ Dương châu đến kinh đô. Tỳ-kheo Pháp Dung hỏi về phong tục ở phương Nam. Sa-môn Bồ-đề Bạt-đà nói rằng: Xưa trước có nước Nô Điều, cưỡi xe ngựa bốn bánh, từ nước Nô Điều ấy ra chợ Hỏa hoàn được dùng bằng da cây mà làm nên. Cây ấy đưa vào lửa không bị đốt cháy. Phàm các nước ở phương Nam đều nhân với thành quách mà ở, có lắm nhiều trần lệ. Dân chúng có tập tục thuần thiện, ngay thẳng chân chất. Mến mộ nghĩa tình, cũng như các nước Tây Vực, Đại Tần, An Tức, Thân Độc v.v... thường luôn giao thông qua lại, hoặc ba phương bốn phương nổi sóng nương theo gió đi khoảng trăm ngày bèn đến. Dân chúng rất mực kính phụng Phật giáo, ưa thích sự sống chán ghét sự chết.

Về phía Tây của chùa có làng Nghi Ngư, trong làng ấy có 2 vườn nhà của Trần Lưu Vương Cảnh Hạo, và Thị Trung An Định Cung Hồ Nguyên Cát Vương Cảnh Hạo vốn là con của Hà Nội Thứ Sử Trần Lưu Trang Vương Tộ, lập tánh thoáng rộng, từ thuở thiếu thời đã có độ lượng lớn, mến người thích việc, tiếp đãi vật không để sót, rất khéo giỏi Huyền ngôn vốn nghiệp của Đạo gia, bèn xả thí nửa vườn nhà an đặt Phật đồ, diển xướng Đại thừa vào bộ đều tiến. Có bốn Đại đức Pháp

sư Siêu, Quang, Thiên, Vinh ở kinh đô và Tam tạng Pháp sư Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi người Hồ v.v... , đều dự nơi pháp tịnh đó. Những bậc tài sĩ kỹ thuật ở các phương không ai chẳng tìm đến. Bấy giờ, có Phụng Triều Thỉnh Mạnh Trọng Huy vốn người xứ võ Thành, thân phụ tên là Tân làm Kim thành thái thú. Trọng Huy chí tánh thông minh học thông giáo điển Phật giáo. Nghĩa lý Tứ Đế thấu cùng chỉ quy, thường đến nơi để thất cùng các Sa-môn luận bàn nghĩa lý. Người thời bấy giờ xưng gọi là Huyền Tông tiên sinh. Trọng Huy bèn tạo một tôn tượng giáo trừ bằng người cỡ trung, tướng hảo đoan nghiêm, trong đời hiếm có, thiết trí trước sảnh của Vương Cảnh Hạo, phứt chốc trọn thành tòa báu.

Trong năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, tôn tượng ấy hằng đêm thường đi nhiều quanh chỗ ngồi, khắp bốn mặt đều có dấu chân dấu ẩn nơi đất thành đường văn. Từ đó, các hàng sĩ thứ lấy làm lạ đều đến trông xem. Do đó mà người phát tâm cũng lại đông nhiều vô lượng. Đến mùa thu năm Vĩnh Hy thứ 3 (534) thời Bắc Ngụy, tôn tượng ấy tự nhiên biến đi chẳng biết đến xứ nào, qua mùa Đông năm đó, kinh đô Lạc Dương dời đến đất nghiêp. Đến năm Võ định thứ 5 (547) thời Đông Ngụy, Trọng Huy làm Lạc châu khai phủ trưởng sử, lại gia công dò xét tìm kiếm, vắng vẻ không ảnh vết. Ra Lư hạp môn cách ngoài thành 7 dặm, đến cầu Trường Phân, vào thời Trung Triệu vì cốc Thủy lãng gấp trút xuống dưới thành hư hoại lắm nhiều nhà dân, bèn lập cầu Đá để phân hạn đó, nói dài thì phần dòng chảy vào Lạc, nên gọi là Trường Phân. Hoặc có người nói: Vào thời nhà Tần, Hà Giang Vương ở tại Trường An sai phái Trương Phương đi đánh dẹp Trường Sa Vương, đóng quân tại đó, nhân đó mà gọi là cầu Trường Phương, chưa biết ai đúng. Nay trong dân gian nói lầm vậy, gọi là cầu Trường Phu nhân. Các hàng triều sĩ lúc đưa tiễn hay nghinh đón phần nhiều đều ở tại đó. Phía Tây cầu Trường Phân có đập đê ngang vàng, tính về ích lợi của thủy lợi mỗi ngày có cả ngàn vàng, nhân đó mà gọi tên vậy. Ngày trước đập đê ấy là do Đô thủy sử Trần Hiệp tạo dựng nên, đến nay đã cả ngàn năm, nên thường tu sửa vậy.

#### CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA TÂY THÀNH LẠC DƯƠNG QUYỂN 4 (Hết)

